

Bản án số: 823/2026/HS-PT
Ngày 17-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lâm;

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở B) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 743/2026/TLPT-HS ngày 21 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo Phạm Văn S và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Hoàng T, Lê Đình T1, Hồ Văn H, Phạm Văn T2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 239/2026/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Văn S, sinh ngày 28/3/1972, tại tỉnh Lâm Đồng; Căn cước công dân số: 068072002575; nơi cư trú: Tổ I, thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là xã L, tỉnh Lâm Đồng); tạm trú: Nhà trọ Trần Thị Thanh H1, Tổ A, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Ú; bị cáo có vợ tên Lê Thị Kim L (đã ly hôn) và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 18/11/1994, bị Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Bản án số 01/HSST; chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/6/1995, chấp hành xong án phí ngày 13/02/1995; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 14/5/2025 đến ngày 23/5/2025 thì được trả tự do bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 01/01/1979, tại tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ); Căn cước công dân số: 094079017395; nơi cư trú: Số nhà F, ấp S,

xã Đ, thành phố Cần Thơ; tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Văn N, Tổ D, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H2 và bà Châu Thị Tuyết H3; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Bích D (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 14/5/2025 đến ngày 23/5/2025 thì được trả tự do bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Đình T1, sinh ngày 28/4/1997, tại tỉnh Thanh Hoá; Căn cước công dân số: 038097027440; nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: 16/09A, Tổ A, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình K và bà Lê Thị L1 (đã chết); bị cáo có vợ tên Vi Thị Hằng Y và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 14/5/2025 đến ngày 23/5/2025 thì được trả tự do bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Hồ Văn H, sinh ngày 10/10/1988, tại tỉnh Nghệ An; Căn cước công dân số: 040088002645; nơi cư trú: Thôn F, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (nay là K, phường H, tỉnh Nghệ An); tạm trú: Nhà riêng Phạm Thị L2, Tổ A, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn Đ và bà Lê Thị M; bị cáo có vợ tên Phạm Thị L2 và 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 14/5/2025 đến ngày 23/5/2025 thì được trả tự do bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Phạm Văn T2, sinh ngày 15/02/1988, tại thành phố Cần Thơ; Căn cước công dân số: 094088020907; nơi cư trú: Ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Bé T3 và bà Lê Thị Bé H4; bị cáo có vợ tên Trần Thị Châu L3 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 14/5/2025 đến ngày 23/5/2025 thì được trả tự do bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn S, Nguyễn Hoàng T, Hồ Văn H có mối quan hệ quen biết. Phạm Văn S làm chủ quán cà phê bida Bảo H5 địa chỉ tại khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Hồ Văn H và Lê Đình T1 có mối quan hệ quen biết. Nguyễn

Hoàng T và Lê Thị T4 có mối quan hệ quen biết. Lê Thị T4 và Phạm Văn T2 có mối quan hệ tình cảm với nhau.

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 14/5/2025, T, H đến quán B1 để uống nước. Tại đây, T rủ H đánh bài liêng thắng thua bằng tiền thì H đồng ý. Sau đó, H gọi điện thoại cho T1 rủ chơi đánh bài thắng thua bằng tiền thì T1 đồng ý, T gọi điện thoại cho T4 rủ chơi đánh bài thắng thua bằng tiền thì T4 đồng ý. Sau khi được T rủ, T4 điều khiển xe mô tô biển số 59XB-566.48 đi tìm T2 và rủ T2 cùng đến quán B1 để chơi đánh bài thắng thua bằng tiền.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi T, H, T1, T2 và T4 có mặt tại quán B1, T rủ mọi người chơi đánh bài thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi đánh bài liêng tổ thì tất cả đồng ý. S đi vào trong nhà lấy 01 bộ bài tây 52 lá đưa cho mọi người chơi đánh bạc, đồng thời quy định ai chơi thắng được liêng thì sẽ nộp tiền xâu cho S 10.000 đồng mỗi lần vào xô nhựa màu trắng do S chuẩn bị sẵn. Cách thức chơi bài: Mỗi ván đặt cược số tiền 20.000 đồng và có một người kẻ người chia bài 40.000 đồng, nếu có tổ nhau qua lại thì số tiền thấp nhất là 40.000 đồng và cao nhất là 400.000 đồng, người chơi thay nhau chia bài. T, H, T1, T2 đánh bạc với nhau, T4 ngồi xem.

Quá trình các bị cáo đánh bạc tại quán B1 thì có 02 người không rõ lai lịch đến tham gia chơi cùng đến khoảng 16 giờ 30 phút thì đi đâu không rõ.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, lực lượng Công an phường T (nay là Công an phường T) tiến hành kiểm tra hành chính quán B1 thì phát hiện, bắt quả tang Phạm Văn S, Nguyễn Hoàng T, Phạm Văn T2, Hồ Văn H, Lê Đình T1, Lê Thị T4 đang tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền với số tiền sử dụng đánh bạc trên chiếu bạc là 14.905.000 đồng.

Công an phường T (nay là Công an phường T) tạm giữ đồ vật và tài sản có liên quan gồm: 01 bộ bài tây đã qua sử dụng; 01 cái xô nhựa màu trắng; 01 xe mô tô biển số 67G1-636.52; 01 xe mô tô biển số 59XB-566.48; 14.905.000 đồng (tại chiếu bạc); 2.000.000 đồng của Phạm Văn T2; 4.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen của Hồ Văn H; 6.620.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax và 01 xe mô tô biển số 67G1-636.52 của Lê Đình T1; 01 điện thoại di động hiệu Vivo của Nguyễn Hoàng T; 01 điện thoại di động hiệu Oppo của Phạm Văn S; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 của Lê Thị T4.

Sau khi lập hồ sơ ban đầu, Công an phường T (nay là Công an phường T) chuyển giao hồ sơ cùng đồ vật, tài liệu liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) để thụ lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận như sau:

Phạm Văn T2 khai: T2 mang theo số tiền 3.700.000 đồng và sử dụng để đánh bạc, nhưng lấy ra trước 1.700.000 đồng để tham gia đánh bạc, nếu thua sẽ lấy số tiền 2.000.000 đồng để trong bóp ra tiếp tục chơi. Khi Công an bắt quả tang T2 thua số tiền 100.000 đồng, còn lại số tiền 1.600.000 đồng bị thu giữ trong tiền tang và số tiền 2.000.000 đồng bị thu giữ trên người dùng mục đích đánh bạc.

Hồ Văn H khai: H mang theo số tiền là 6.000.000 đồng và sử dụng 2.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, còn để lại 4.000.000 đồng để trong ví không sử dụng. Quá trình chơi thắng được 500.000 đồng, bị thu giữ số tiền 2.500.000 đồng trong tiền tang và thu giữ trên người số tiền 4.000.000 đồng không dùng vào mục đích đánh bạc.

Lê Đình T1 khai: T1 mang theo số tiền 11.524.000 đồng và sử dụng số tiền 4.900.000 đồng để tham gia đánh bạc, khi Công an bắt quả tang thì T1 thắng được 1.450.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc bị thu giữ trong tiền tang là 6.350.000 đồng và số tiền 6.624.000 đồng trong bóp không sử dụng để đánh bạc.

Nguyễn Hoàng T khai: T mang theo số tiền 2.500.000 và sử dụng toàn bộ số tiền để đánh bạc, khi Công an bắt quả tang thì T thắng được số tiền 855.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc bị thu giữ trong tiền tang là 3.355.000 đồng.

Phạm Văn S khai: S không tham gia đánh bạc nhưng sử dụng địa điểm quán B1 do mình quản lý và làm chủ để cho Phạm Văn T2, Lê Đình T1, Hồ Văn H, Nguyễn Hoàng T tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền nhằm mục đích để bán nước và thu tiền xâu.

Lê Thị T4 khai: Ngày 14/5/2025, Nguyễn Hoàng T điện thoại rủ T4 đến quán B1 để tham gia đánh bạc thì T4 đồng ý, T4 rủ Phạm Văn T2 cùng đến để tham gia đánh bạc, T4 sử dụng xe mô tô 59XB-566.48 chở T2 đến quán B1 để cùng tham gia đánh bạc với T, T1, H và T4 ngồi xem trực tiếp cho đến lúc lực lượng Công an bắt quả tang.

Căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang và lời khai của các bị cáo xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 16.905.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 2696/KL-KTHS ngày 24/06/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H kết luận như sau:

- Tài khoản đăng nhập có tên “T”
- Mười bảy (17) tin nhắn giữa tài khoản tên “T” với tài khoản tên “Tham”.
- Chín (09) tin nhắn giữa tài khoản tên “T” với tài khoản tên “ho hung”.

Tại Cáo trạng số 172/CT-VKS ngày 23/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Hoàng T, Lê Đình T1, Hồ Văn H, Phạm Văn T2 và Lê Thị T4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 239/2026/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Hoàng T, Lê Đình T1, Hồ Văn H, Phạm Văn T2 và Lê Thị T4 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Về hình phạt:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 07 (B) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/5/2025 đến ngày 23/5/2025.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 07 (B) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/5/2025 đến ngày 23/5/2025.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Đình T1 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/5/2025 đến ngày 23/5/2025.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn H 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/5/2025 đến ngày 23/5/2025.

1.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/5/2025 đến ngày 23/5/2025.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử phạt bị cáo Lê Thị T4 40.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”; tuyên về trách nhiệm xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16, 17, 20 và 21 tháng 7 năm 2026, các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Hoàng T, Lê Đình T1, Hồ Văn H, Phạm Văn T2 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, xét thấy: Bị cáo Phạm Văn S là người trực tiếp quản lý, bán nước hằng ngày tại quán cafe. Bị cáo T là người đề xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia đánh bạc, các bị cáo Phạm Văn T2, Lê Đình T1, Hồ Văn H trực tiếp tham gia đánh bạc. Bị cáo Lê Thị T4 có hành vi giúp sức đánh bạc bằng cách rủ rê, lôi kéo và chở Phạm Văn T2 đến đánh bạc cùng các bị cáo

còn lại. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, đam mê bài bạc, các bị cáo rủ rê nhau đánh bạc thắng thua với nhau thông qua hình thức chơi bài liêng. Bị cáo Phạm Văn S sử dụng địa điểm là quán cafe do mình quản lý, cho các bị cáo khác đánh bài nhằm thu lợi bất chính từ việc bán nước và thu tiền xâu. Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp được chứng cứ về tình tiết mới nào khác theo quy định nên không có căn cứ để chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Hoàng T, Lê Đình T1, Hồ Văn H, Phạm Văn T2; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 239/2026/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

** Các bị cáo không tranh luận.*

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, có đủ cơ sở xác định: ngày 14/5/2025, bị cáo Phạm Văn S đã có hành vi sử dụng địa điểm do mình quản lý là quán cà phê bida Bảo Hân tại khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, cho các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Lê Đình T1, Hồ Văn H, Phạm Văn T2 đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài liêng tổ với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 16.905.000 đồng thì bị bắt quả tang, mục đích của bị cáo Phạm Văn S là để thu tiền xâu và bán nước. Bị cáo Lê Thị T4 khi nghe T rủ đánh bạc đã có hành vi giúp sức rủ rê, lôi kéo, chở Phạm Văn T2 đến đánh bạc cùng các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Lê Đình T1, Hồ Văn H.

Do đó, hành vi của các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Hoàng T, Lê Đình T1, Hồ Văn H, Phạm Văn T2 và Lê Thị T4 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Hoàng T, Lê Đình T1, Hồ Văn H, Phạm Văn T2 và Lê Thị T4 về tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Đối với các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Hoàng T, Hồ Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ phạm tội và xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Bị cáo Phạm Văn S sử dụng địa điểm là quán cà phê do mình quản lý, cho các bị cáo khác đánh bạc nhằm thu lợi bất chính từ việc bán nước và thu tiền xâu; bị cáo Nguyễn Hoàng T là người đề xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia đánh bạc; bị cáo Hồ Văn H gọi điện thoại rủ bị cáo Lê Đình T1 đánh bạc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp, không nặng, đảm bảo tính răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa, giáo dục chung trong xã hội. Vì vậy, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có thể sửa chữa bản thân và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Hoàng T, Hồ Văn H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 239/2026/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Hoàng T, Hồ Văn H.

[3.2] Xét kháng cáo của các bị cáo Lê Đình T1 và Phạm Văn T2, Hội đồng xét xử xét thấy: mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp; tuy nhiên, các bị cáo được bị cáo Hồ Văn H và Lê Thị T4 rủ rê tham gia đánh bạc; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Đình T1 và Phạm Văn T2. Sửa Bản án sơ thẩm số 239/2026/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Lê Đình T1 và Phạm Văn T2.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Hoàng T, Hồ Văn H là cùng quan điểm với Hội đồng xét xử nên chấp nhận; đối với đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Đình T1 và Phạm Văn T2 là không cùng quan điểm với Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Lê Đình T1 và Phạm Văn T2 được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Hoàng T, Hồ Văn H không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Hoàng T, Hồ Văn H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 239/2026/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/5/2025 đến ngày 23/5/2025.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/5/2025 đến ngày 23/5/2025.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Hồ Văn H 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/5/2025 đến ngày 23/5/2025.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Đình T1 và Phạm Văn T2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 239/2026/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

2.1 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Đình T1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 17 tháng 9 năm 2026).

Giao bị cáo Lê Đình T1 cho Ủy ban nhân dân phường L, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 17 tháng 9 năm 2026).

Giao bị cáo Phạm Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Cần Thơ để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Các bị cáo Lê Đình T1 và Phạm Văn T2 không phải chịu.

Các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Hoàng T, Hồ Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Phòng Hồ sơ - Công an TP.HCM;
- Tòa án nhân dân khu vực 17 - TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - TP.HCM;
- Bị cáo;
- Phòng THADS khu vực 17 - TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, 25. (54)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức